

VIETCOMBANK ĐỒNG ĐỒNG NAI

Số 53A/4, quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, tỉnh
Đồng Nai.

Mã số thuế / Tax code : 0100112437-145

Số / Number : 16

Ngày hoạt động / Activity date: 25/06/2026

Tài khoản / Account : 1063585624

TK NHNN / State Bank Account : 4221

CIF : 0004202353

CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM

Địa chỉ / Address : 12/14/18 DUONG 49,KP7,P.H B CHANH,TP.THUDUC,TPHCM

Ngày hoạt động trước / Previous Activity Date : 02/06/2026

Số dư đầu ngày / Opening Balance :

29.126,92

Ngày GD/ Date	CN.PH/ Branch	Người lập/SCT/ Maker/Doc No.	Số Reference/ Ref No.	Doanh số nợ/ Debit Amount	Doanh số có/ Credit Amount
25/06/2026		9401.1063585624	USD08700439802003	1,10	

Số món / Number of Transaction: 1

Doanh số ngày / Daily Transaction Amt :

1,10

0,00

Doanh số tháng / Monthly Transaction Amt :

7.701,10

0,00

Doanh số năm / Annual Transaction Amt :

231.098,18

260.224,00

Số dư cuối ngày / Closing Balance :

29.125,82

Ngày in / Print date :

14:10:27 ngày 05/07/2026

Xác nhận của ngân hàng / Bank's Confirmation :

 **Signature Valid**

Được ký bởi: **NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM -
CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI**
Ngày ký: **05/07/2026**

Ghi chú: Văn bản này được xuất tự động từ hệ thống Ngân hàng điện tử của Vietcombank và không ràng buộc trách nhiệm của Vietcombank trong trường hợp Khách hàng cung cấp văn bản này cho bên thứ ba./.

Note: This document is automatically generated from Vietcombank's digital banking system and does not bind Vietcombank in case the Customer provides this document to a third party./.

VIETCOMBANK ĐỒNG ĐỒNG NAI
Số 53A/4, quốc lộ 1A, phường Hồ Nai, tỉnh
Đồng Nai.
Mã số thuế / Tax code : 0100112437-145

Ngày / Date : 25/06/2026
Không phải hóa đơn GTT
Số chứng từ / Doc No 250626.9401.1063585624

Người ra lệnh (Orderer)		Người hưởng (Beneficiary)	
Họ tên / A/C Name	: CT TNHH MTV TM VA DV NGOC THOM	Họ tên / A/C Name	: Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN
Số TK / A/C No	: 1063585624	Số TK / A/C No	: USD08700439802003
Địa chỉ / Address	: 12/14/18 DUONG 49,KP7,P.H B CHANH,TP.THU DUC,TPHCM	Địa chỉ / Address	:
MST / Số CMT / ID No	: 0309391503	MST / Số CMT / ID No	:
Ngày cấp / Issue Date	:	Ngày cấp / Issue Date	:
Nơi cấp / Issue Place	:	Nơi cấp / Issue Place	:
Tại ngân hàng / With Bank	: Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN VCB DONG DONG NAI-TRU SO CN	Tại ngân hàng / With Bank	: Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN VCB DONG DONG NAI-TRU SO CN
Số tiền nợ / Debit Amount	: 1,10	Số tiền có / Credit Amount	: 1,10
Loại tiền / Currency	: USD	Loại tiền / Currency	: USD
Bằng chữ / In Words	: Một phẩy mười US Dollar	Bằng chữ / In Words	: Một phẩy mười US Dollar
Số tiền phí / Fee	: 1,00 Loại tiền / Currency : USD		
Trong đó VAT / VAT	: 0,10 Loại tiền / Currency : USD		

Tỷ giá / Rate : 26.136,00
Nội dung / Details : THU PHI QLTK TO CHUC- USD
Ngân hàng gửi / Order Bank : Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN VCB DONG DONG NAI-TRU SO CN
Ngân hàng nhận / Ben Bank : Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN VCB DONG DONG NAI-TRU SO CN
Ngày in / Print Date : 05/07/2026

Xác nhận của ngân hàng / Bank's Confirmation :

**Signature Valid**

**Được ký bởi: NGÂN HÀNG TMCP
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM –
CHI NHÁNH ĐỒNG ĐỒNG NAI**
Ngày ký: 05/07/2026

Ghi chú: Văn bản này được xuất tự động từ hệ thống Ngân hàng điện tử của Vietcombank và không ràng buộc trách nhiệm của Vietcombank trong trường hợp Khách hàng cung cấp văn bản này cho bên thứ ba./.

Note: This document is automatically generated from Vietcombank's digital banking system and does not bind Vietcombank in case the Customer provides this document to a third party./.